

BIÊN BẢN NIÊM YẾT CÔNG KHAI

Công khai giao dự toán NSNN năm 2024 điều chỉnh lần 5

Thực hiện quyết định số 336/QĐ – THPT TP 09/12/2024 của trường THPT Tân Phong;

Hôm nay, vào lúc 16h30 ngày 09/12/2024, tại văn phòng trường THPT Tân Phong

I/ Thành phần tham dự :

- | | |
|------------------------|-----------------|
| - Ông Trần Công Bình | Hiệu trưởng |
| - Ông Huỳnh Khoa | Phó hiệu trưởng |
| - Bà Võ Thị Mộng Trinh | Phó Hiệu trưởng |
| - Ông Nguyễn Hoàng Duy | CTCĐ |
| - Bà Đặng Thị Thuý | Trưởng ban TTND |
| - Bà Dương Hồng Hi | Kế toán |

II/ Nội dung :

Tiến hành lập biên bản về việc công khai của trường THPT Tân Phong như sau :

1. Nội dung công khai : Thông báo số liệu điều chỉnh dự toán NSNN năm 2024 điều chỉnh lần 5 của trường THPT Tân Phong theo Quyết định số 3994/QĐ-SGDĐT ngày 12/11/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh (theo biểu mẫu đính kèm)
2. Thời gian niêm yết: Từ ngày 09/12/2024 đến hết ngày 09/02/2025
3. Địa điểm công khai : Bảng thông báo của trường.
4. Mọi ý kiến thắc mắc (nếu có) về nội dung công khai nêu trên đề nghị gửi về Hiệu trưởng trường THPT Tân Phong để được giải đáp.

Biên bản lập xong lúc 16h45 cùng ngày, đã đọc cho các thành phần tham dự nghe và thống nhất ký tên.



Chủ tịch Công Đoàn

Nguyễn Hoàng Duy

Kế toán

Dương Hồng Hi

Thanh tra nhân dân

Đặng Thị Thuý

Phó Hiệu trưởng

Võ Thị Mộng Trinh



Hiệu trưởng

Trần Công Bình

Phó Hiệu trưởng

Huỳnh Khoa

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT TÂN PHONG
Số: 336/QĐ – THPT TP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán NSNN năm 2024 điều chỉnh lần 5

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT TÂN PHONG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức hoạt động ngân sách hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 3994/QĐ-SGDĐT ngày 12 tháng 11 năm 2024 về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 (điều chỉnh lần 5);

Xét đề nghị của phòng tài vụ;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 (điều chỉnh lần 5) của Trường THPT Tân Phong (theo biểu mẫu đính kèm).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận tài chính và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./

Nơi nhận:

- Như điều 3,

-Lưu: VT, KT (4)



HIỆU TRƯỞNG

Trần Công Bình

Số: 3994/QĐ-SGDĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 (điều chỉnh lần 5)

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Quyết định số 5758/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 5015/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về điều chỉnh dự toán chi thường xuyên năm 2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

QUYẾT ĐỊNH:

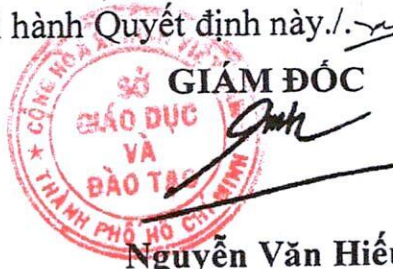
Điều 1. Giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 (điều chỉnh lần 5) cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Căn cứ dự toán chi ngân sách năm 2024 được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Các Ông (Bà) Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính và Trưởng phòng liên quan thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các đơn vị có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính (để phối hợp);
- KBNN TP.HCM (để phối hợp);
- KBNN nơi DV giao dịch (để phối hợp);
- Lưu: VT, KHTC (Tr).

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Hiếu

Chương 422- Loại 070 – Khoản 074



**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024
(ĐIỀU CHỈNH LẦN 5)**

Đơn vị: TRƯỜNG THPT TÂN PHONG (MS : 1038773)

Mã KBNN nơi giao dịch: KHO BẠC QUẬN 7 (MS : 0130)

(Kèm theo Quyết định số 3994/QĐ-SGDĐT ngày 12 tháng 11 năm 2024
của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN ĐÃ PHÂN BỐ	DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG LẦN NÀY	TỔNG SỐ
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0		0
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	25.078.990	7.048.000	32.126.990
	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	25.078.990	7.048.000	32.126.990
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	13.825.300	1.840.000	15.665.300
1.1	Chi từ ngân sách thành phố	11.694.300	1.840.000	13.534.300
	Trong đó: Chi chênh lệch mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	0	1.840.000	1.840.000
1.2	Chi từ nguồn cải cách tiền lương	2.131.000	0	2.131.000
	Nguồn CCTL ngân sách thành phố	2.131.000	0	2.131.000
	Nguồn CCTL của đơn vị năm trước chuyển sang	0		0
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	11.253.690	5.208.000	16.461.690
2.1	Chi từ ngân sách thành phố	4.975.052	488.000	5.463.052
	Trong đó: 10% tiết kiệm thực hiện CCTL	0		0
2.2	Chi từ nguồn cải cách tiền lương	6.278.638	4.720.000	10.998.638
	Nguồn CCTL ngân sách thành phố	6.278.638	4.720.000	10.998.638
	Nguồn CCTL của đơn vị năm trước chuyển sang	0	5 0	0

Ghi chú:

1. Đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện trích lập tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ năm 2024 sau khi trừ các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí (bao gồm cả thu học phí) để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định (theo Công văn số 7012/STC-NS ngày 23 tháng 9 năm 2024 của Sở Tài chính).
2. Nguồn cải cách tiền lương dùng để thực hiện chỉ chính sách tăng lương cơ sở theo lộ trình của Chính phủ, chi tinh giản biên chế, chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế đặc thù của Thành phố và các văn bản quy định hiện hành.
3. Các nội dung dự toán kinh phí được bổ sung lần này thuộc Quyết định số 5015/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố. Riêng đối với nội dung chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND được bổ sung từ:
 - Quyết định số 5758/QĐ-UBND ngày 12/12/2023: 1.600.000 ngàn đồng.
 - Quyết định số 5015/QĐ-UBND ngày 05/11/2024: 3.120.000 ngàn đồng.
4. Chế độ tiền thưởng được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ. Đến hết ngày 31 tháng 01 của năm sau liền kề, nếu cơ quan, đơn vị không sử dụng hết quỹ tiền thưởng của năm thì không được chuyển nguồn vào quỹ tiền thưởng của năm sau.
5. Sở Giáo dục và Đào tạo thẩm định nội dung dự toán theo nhu cầu của đơn vị, giá trị dự toán chỉ dùng làm cơ sở bố trí nguồn kinh phí thực hiện, đơn vị chịu trách nhiệm về số liệu quyết toán thực tế theo đúng quy định.

Chi tiết kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên của đơn vị như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN ĐÃ PHÂN BỐ	DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG LẦN NÀY	TỔNG SỐ
1	Phụ cấp thâm niên nhà giáo	1.025.370	0	1.025.370
2	Kinh phí vùng sâu	0	0	0
3	Hỗ trợ cán bộ, viên chức y tế	5.400	0	5.400
4	Phụ cấp ưu đãi cho giáo viên dạy người khuyết tật	360.802	0	360.802
5	Kinh phí hỗ trợ học phí theo Nghị quyết số 36/2023/NQ-HĐND	2.961.360	0	2.961.360
6	Hỗ trợ chi phí học tập	54.000	0	54.000
7	Tiền công dạy đội tuyển dự thi học sinh giỏi cấp quốc gia theo Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND	0	0	0
8	Kinh phí mua sắm	0	0	0
9	Kinh phí sửa chữa	495.000	0	495.000
10	Kinh phí sinh hoạt hè	73.120	0	73.120
11	Quỹ tiền thưởng theo ND số 73/2024/NĐ-CP	0	488.000	488.000
12	Chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND và chi tinh giản biên chế	6.278.638	4.720.000	10.998.638

Đơn vị: Trường THPT Tân Phong

Chương: 422

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Năm 2024

(Quyết định số 3994/QĐ-.SGDDĐT ngày 12/11/ 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
2	Phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	
1	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
2	Phí	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	7.048.000.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	7.048.000.000
1	Chi quản lý hành chính	7.048.000.000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	1.840.000.000
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	5.208.000.000
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm
1	2	3
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	